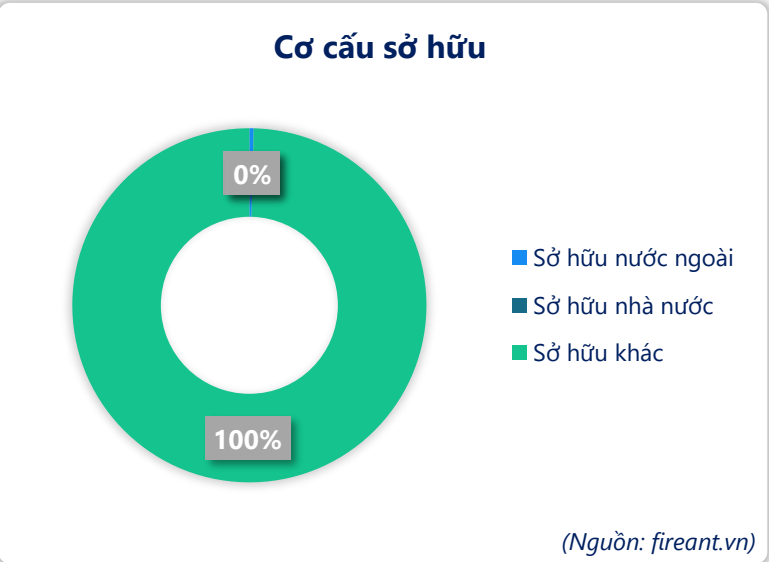
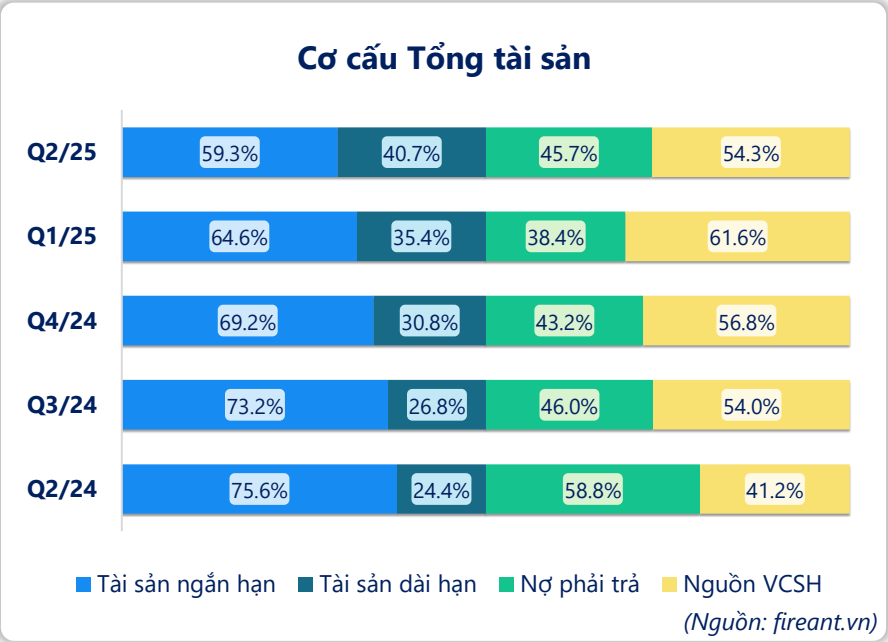
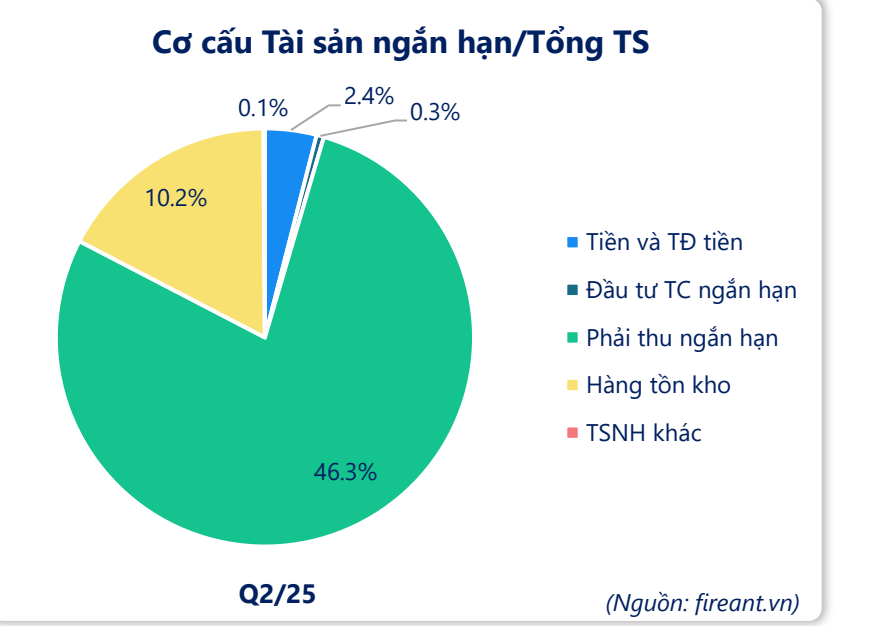
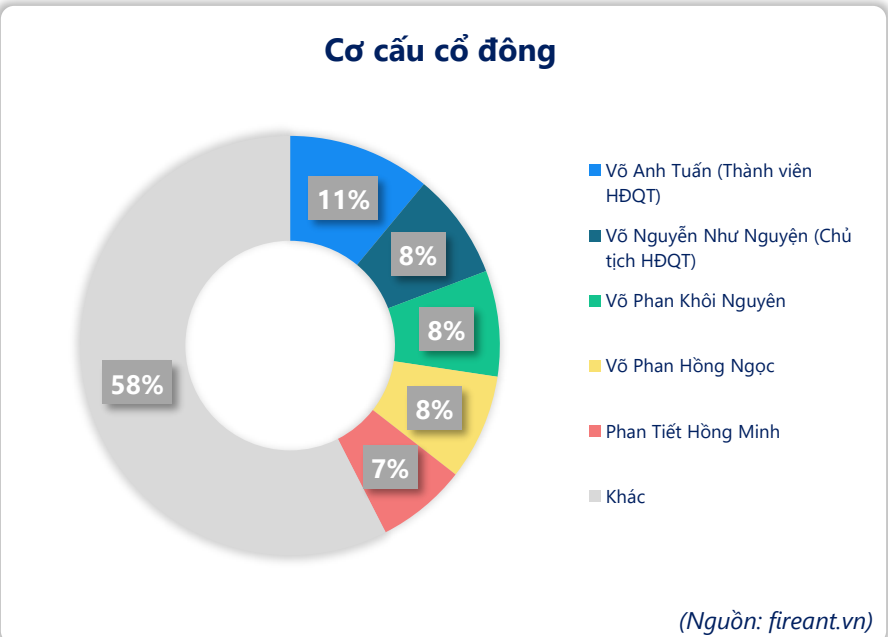
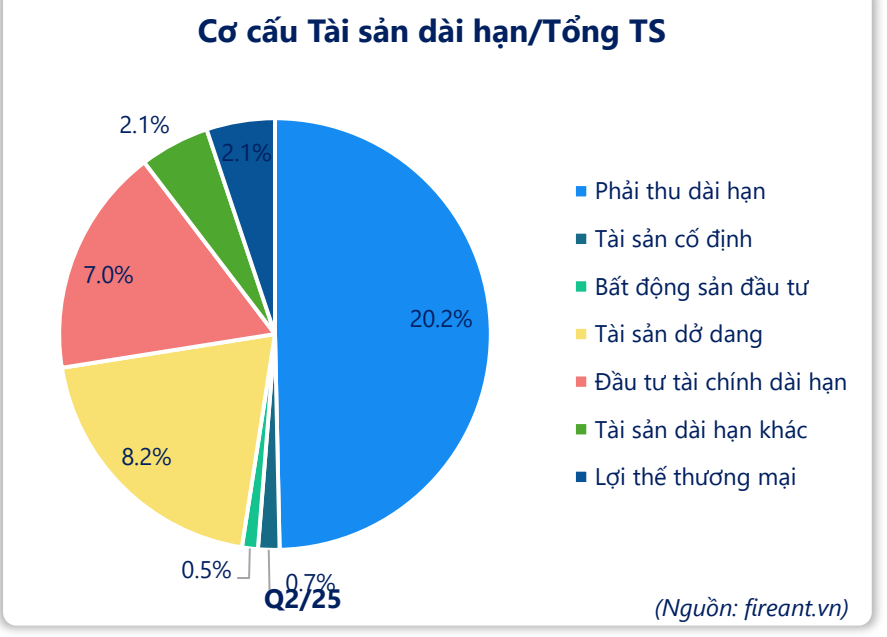
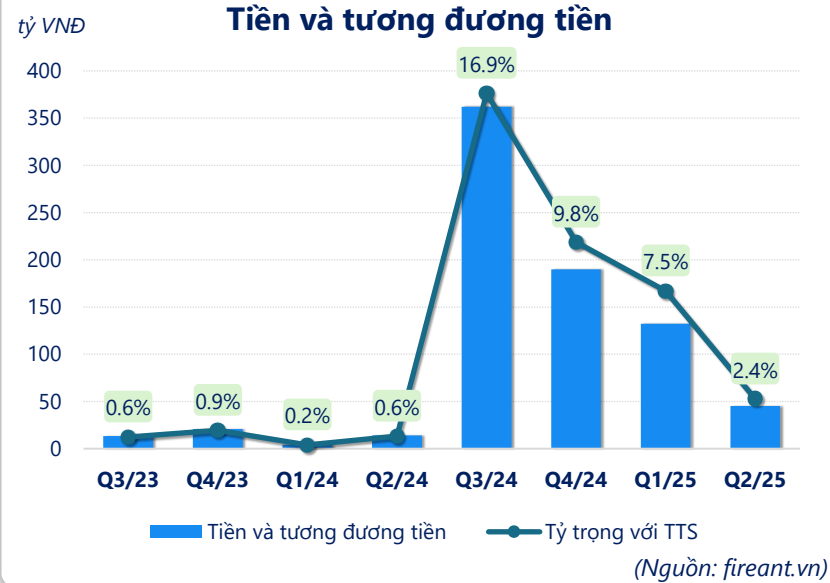
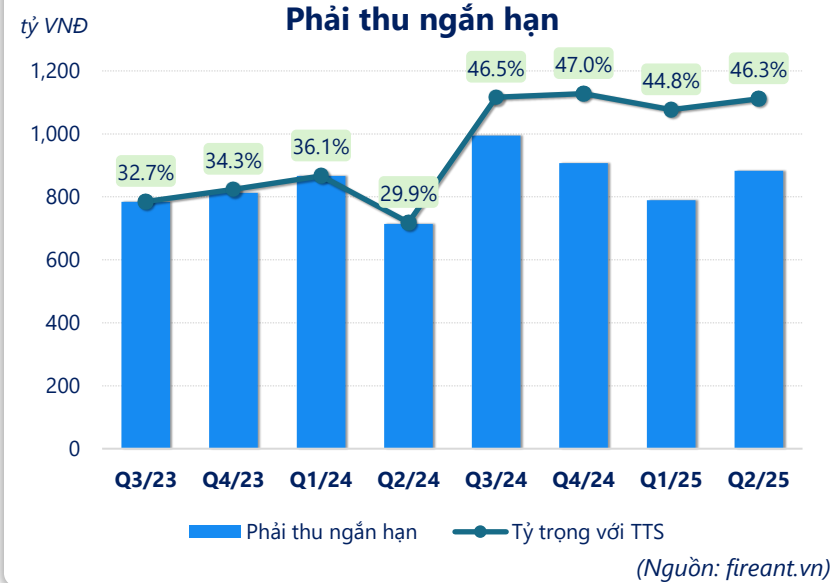
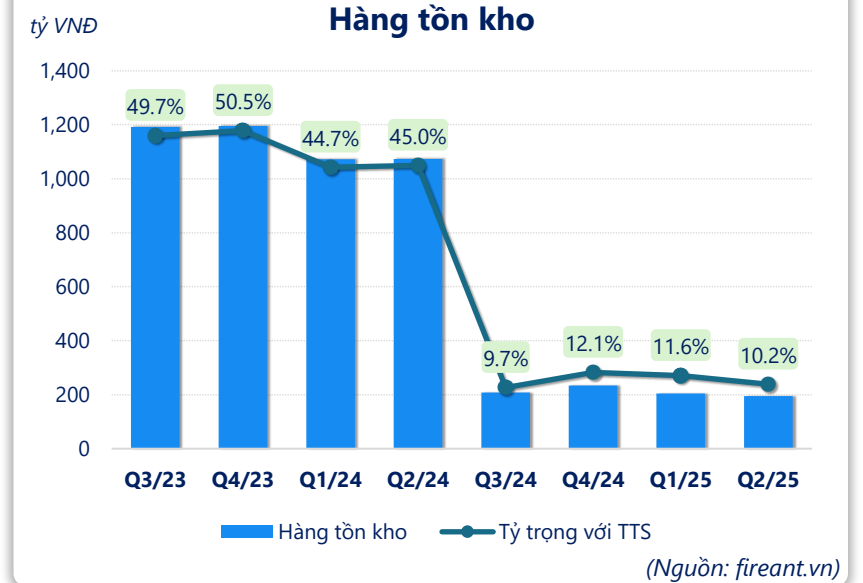
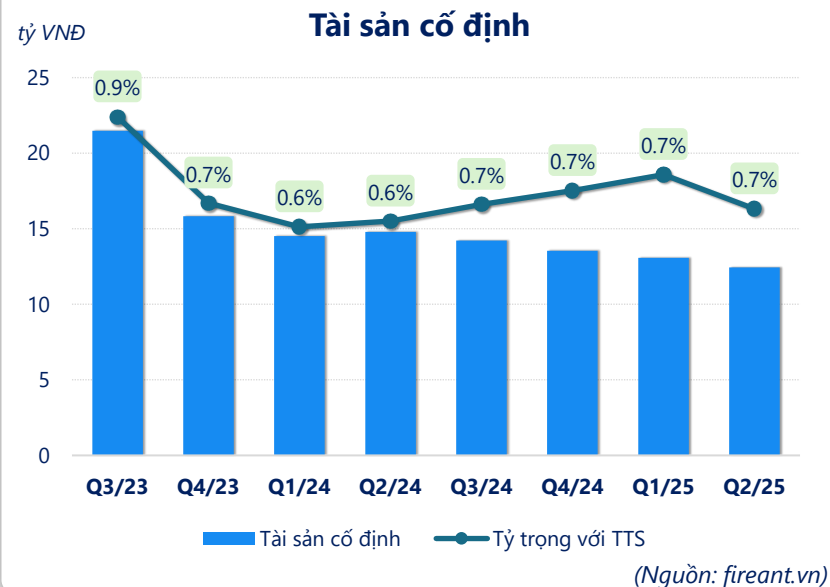
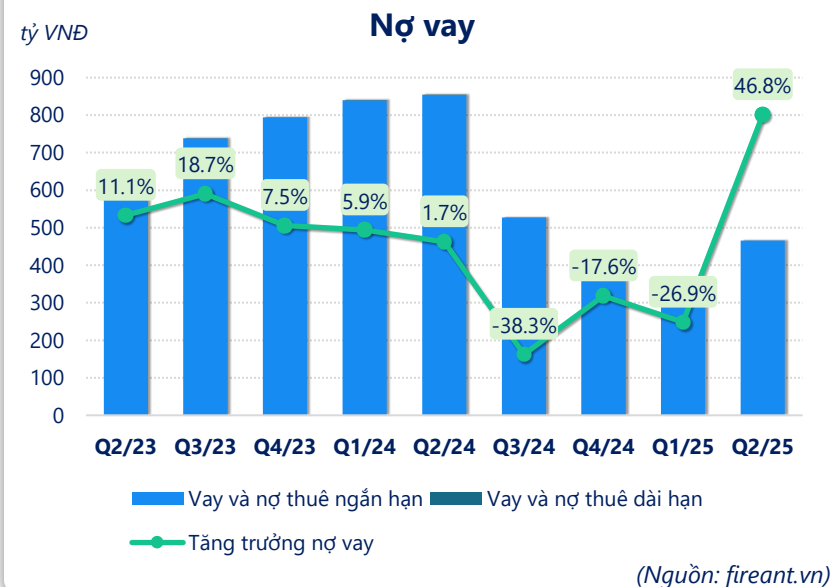
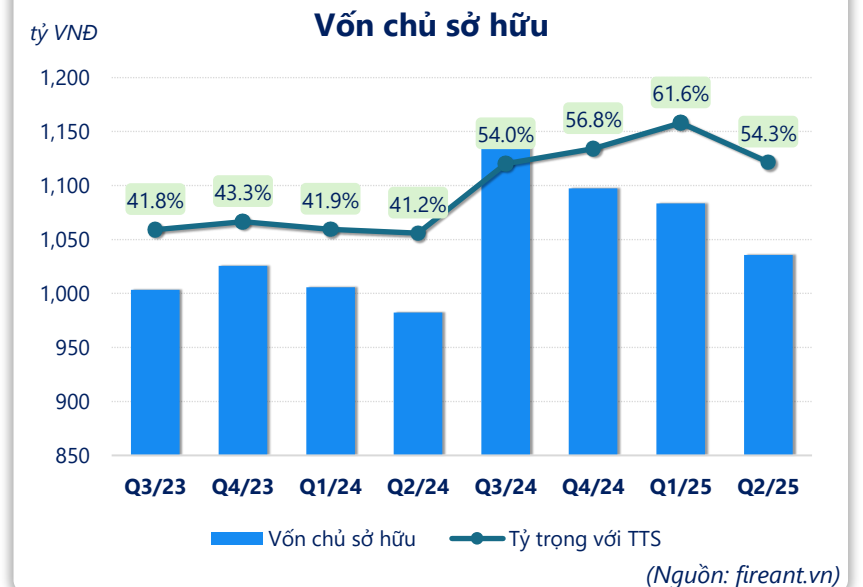
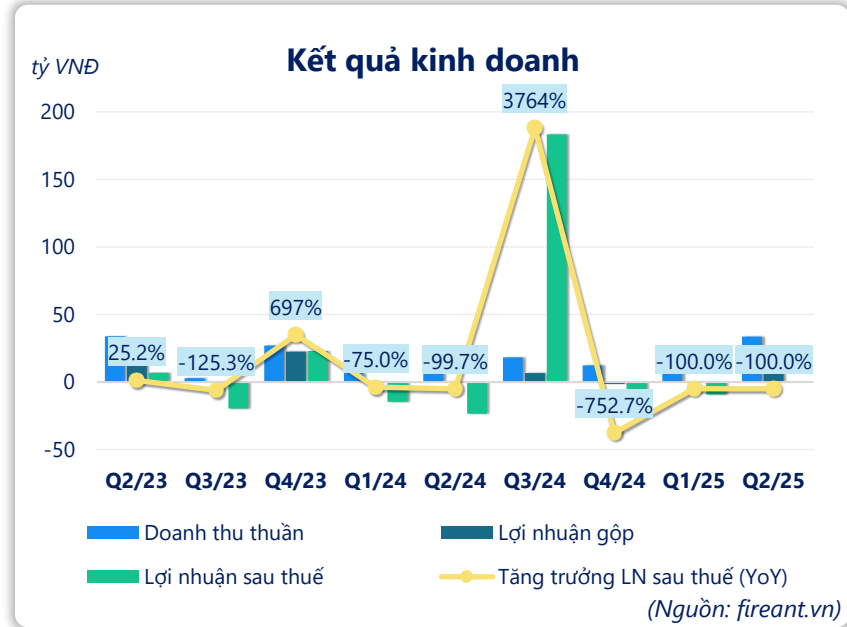
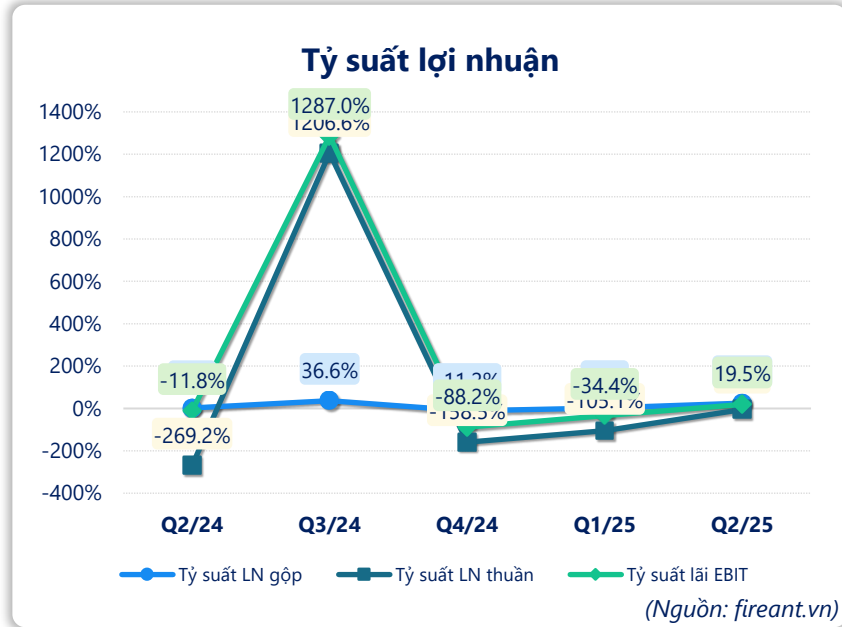
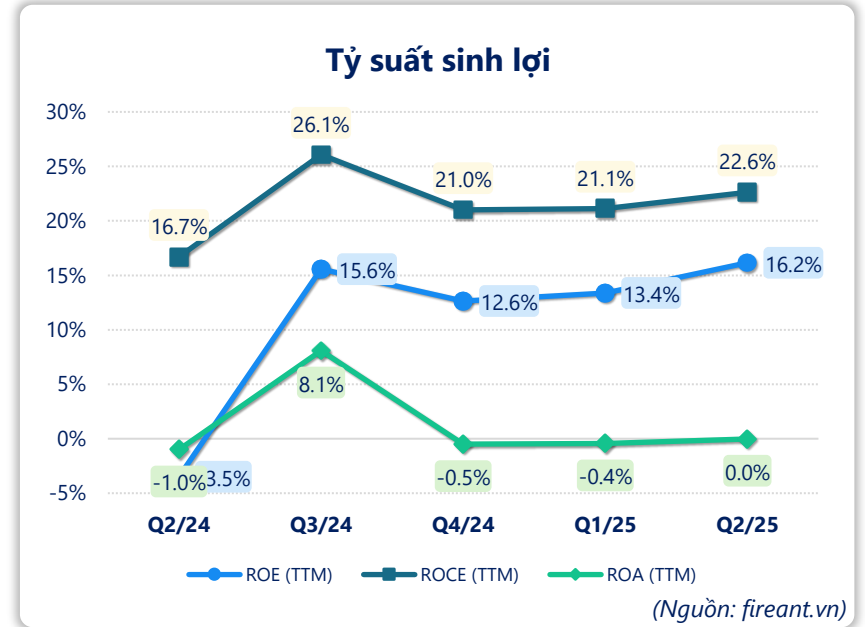
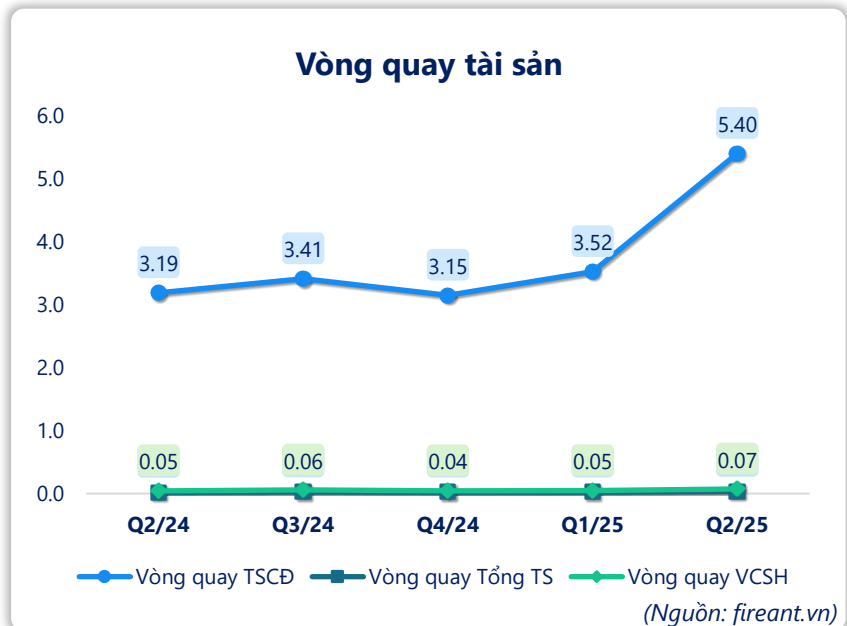
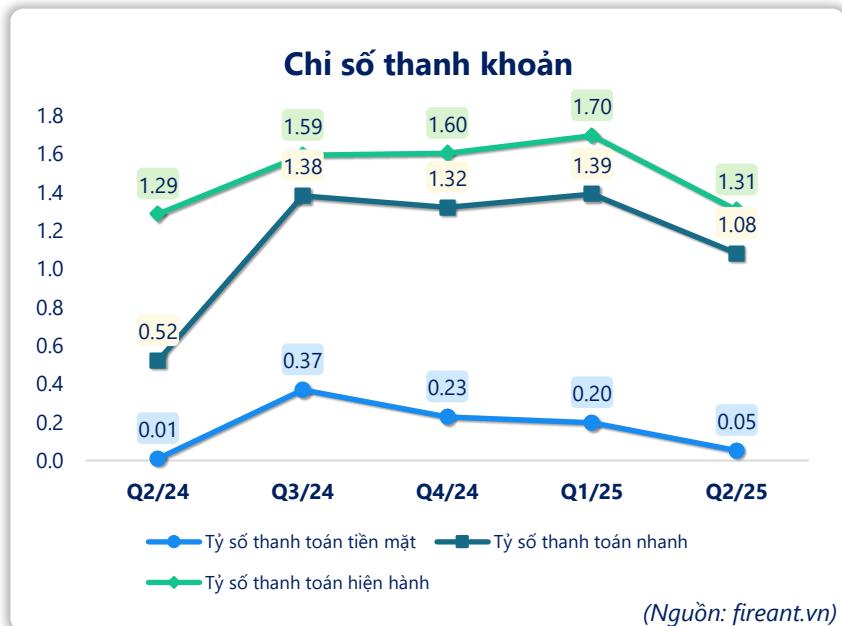
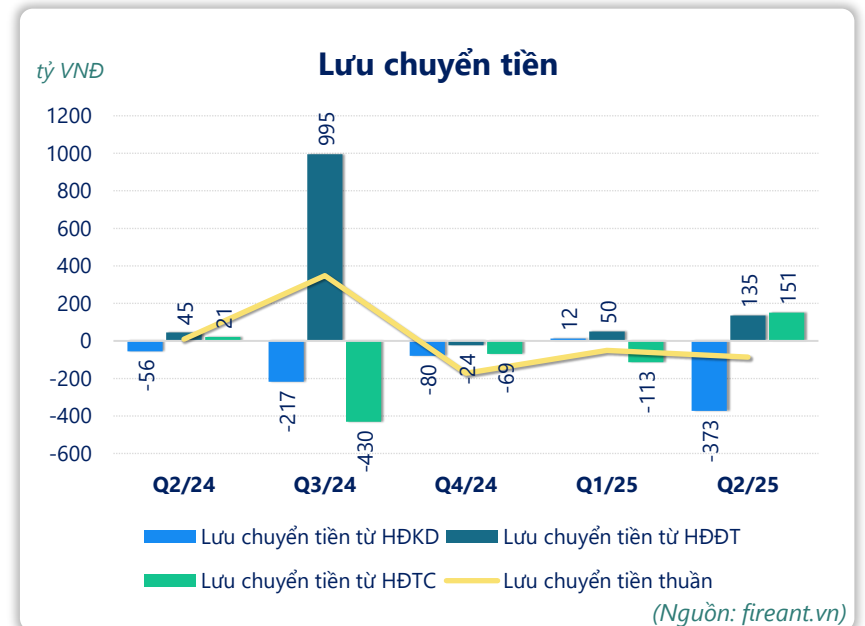


Thông tin giao dịch		30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		5,160
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		9,073
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		5,000
SL cổ phiếu LH		95,357,800
KLGD BQ 20 phiên (CP)		113,245
% sở hữu nước ngoài		0.4%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		492
P/E		3.0
EPS		1,709

	YTD	1T	3T	6T
VPH	-26.3%	-0.4%	-16.2%	-27.2%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	1,906	1,932	-1.3%
Tài sản ngắn hạn	1,131	1,306	-13.4%
Tiền và tương đương tiền	45.1	183	-75.4%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	6.44	6.44	0.0%
Phải thu ngắn hạn	883	907	-2.7%
Hàng tồn kho	195	204	-4.3%
Tài sản ngắn hạn khác	1.34	4.64	-71.1%
Tài sản dài hạn	775	626	23.9%
Phải thu dài hạn	385	230	67.7%
Tài sản cố định	12.4	13.5	-8.1%
Bất động sản đầu tư	9.25	9.46	-2.3%
Tài sản dở dang	155	153	1.9%
Đầu tư tài chính dài hạn	133	133	-0.2%
Tài sản dài hạn khác	40.5	41.2	-1.7%
Lợi thế thương mại	39.8	46.5	-14.4%
Nợ phải trả	870	839	3.7%
Nợ ngắn hạn	865	834	3.7%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	466	434	7.3%
Phải trả người bán ngắn hạn	2.84	2.75	3.2%
Nợ dài hạn	5.62	5.63	-0.2%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,036	1,093	-5.2%
Vốn chủ sở hữu	1,036	1,093	-5.2%
Vốn điều lệ	954	954	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	8.83	18.4	12.3	9.16	33.7
Giá vốn hàng bán	8.66	11.7	13.7	8.93	25.0
Lợi nhuận gộp	0.17	6.72	-1.38	0.22	8.69
Doanh thu HĐTC	8.13	356	8.38	6.71	6.63
Chi phí TC	22.0	90.3	13.1	6.04	6.79
Chi phí lãi vay	22.0	14.3	8.61	6.04	6.79
LN trong công ty LKLD	-0.09	-0.14	-0.26	-0.11	-0.11
Chi phí bán hàng	0	40.2	0	0	0.13
Chi phí QLDN	9.97	10.2	13.1	10.4	9.98
LN thuần từ HĐKD	-23.8	222	-19.5	-9.63	-1.69
Lợi nhuận khác	0.73	0.46	0.03	0.43	1.49
LN trước thuế	-23.0	222	-19.4	-9.20	-0.20
Lợi nhuận sau thuế	-23.4	183	-10.9	-9.20	-0.24
LNST của CĐ cty mẹ	-23.4	183	-10.9	-9.19	-0.23

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-56.4	-217	-79.8	12.2	-373
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	45.4	995	-23.8	49.8	135
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	20.9	-430	-68.6	-113	151
Tiền đầu kỳ	4.29	14.2	362	183	132
Lưu chuyển tiền thuần	9.90	348	-172	-51.3	-87.1
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	14.2	362	190	132	45.1

(Nguồn: fireant.vn)